

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Tiến D, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thu T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường nhưng 02 năm trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên đã nhiều lần xảy ra cãi cọ. Thời gian như vậy kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay anh D và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/3/2016. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận anh Bùi Tiến D sẽ trực tiếp nuôi con, chị Nguyễn Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Tiến D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc H, sinh ngày 08/3/2016 cho anh Bùi Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh D.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Tiến D tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0002939 ngày 23/11/2020. Anh D đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc